

Bản án số: 156/2022/DS-ST

Ngày: 06-6-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Chí
2. Ông Võ Thành Viên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thảo Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 6 năm 2022 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2022/TLST- DS ngày 23/02/2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 121/2022/QĐST-DS ngày 16/5/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn :** Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ: Số L đường P, Phường C, quận P, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm X (Theo văn bản ủy quyền số 02/QĐ-PLG ngày X/Y/Z). (Có đơn xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Ông Phạm Văn B, sinh năm Y; địa chỉ: Số D đường N, Phường C, quận G, Thành phố H. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 12 năm 2021, lời khai ngày 21 tháng 3 năm 2022 và các lần làm việc tại Tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/10/2018, Ngân hàng TMCP Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Phạm Văn B đã ký hợp đồng tín dụng số 00558643/0129383401T18006, theo đó Ngân hàng đã đồng ý cho ông B vay số tiền là 120.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 9.5%/năm, mục đích vay tiêu dùng, định kỳ trả gốc, lãi vào ngày 30 hàng tháng, mỗi kỳ là 4.300.000 đồng, kỳ cuối là 3.700.000 đồng. Kỳ thanh toán đầu tiên là 30/11/2018.

Thực hiện hợp đồng phía Ngân hàng đã giải ngân số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) cho ông B và ông B đã thanh toán được tiền gốc là 76.689.189 đồng và tiền lãi trong hạn là 30.810.811 đồng. Kể từ ngày 02/4/2021 thì ông B ngưng không thanh toán nợ gốc và lãi mặc dù đã được ngân hàng nhiều lần nhắc nhở. Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên kể từ ngày 02/4/2021 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền vay chưa thanh toán sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu ông B thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh, cụ thể như sau: Nợ gốc: 43.310.811 đồng; nợ lãi trong hạn: 3.389.189 đồng nợ lãi quá hạn: 3.327.609 đồng. Tổng cộng ông B phải thanh toán nợ gốc, lãi là 50.027.609 đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 15/12/2021) và ông B còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân ông B có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng.

**\* Bị đơn:** Ông Phạm Văn B mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B không đến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông B về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quan hệ giải quyết trong vụ án giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông Phạm Văn B là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

*[2]. Về thủ tục tố tụng:*

Đại diện nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị Thu H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Phạm Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xử vắng mặt bà Hoài, ông B theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*[3]. Về nội dung:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ số Hợp đồng tín dụng 00558643/0129383401T18006 ngày 25/10/2018 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông Phạm Văn B đã có cơ sở để xác định giữa Ngân hàng và ông B có xác lập giao dịch tín dụng, theo đó Ngân hàng đồng ý cho ông B vay số tiền là 120.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 9.5%/năm.

Xét tại thời điểm giao kết, nội dung thỏa thuận của các bên theo hợp đồng nêu trên về khoản tiền vay, mức lãi suất phù hợp với quy định tại các Điều 463 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; thỏa thuận lãi suất, phí phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 là “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật” nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

Ông B không đến Tòa án, không có lời khai, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông B đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Theo Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện do Ngân hàng TMCP Đ cung cấp.

Theo thỏa thuận tại Khoản 10.3 Điều 10 của Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa Ngân hàng và ông B, ông B phải thanh toán cho Ngân hàng theo định kỳ một tháng/lần vào ngày 30 hàng tháng, mỗi kỳ phải trả 4.300.000 đồng, tổng cộng 36 kỳ, kỳ cuối cùng phải trả 3.700.000 đồng, kỳ thanh toán đầu tiên là ngày 30/11/2018.

Thực hiện hợp đồng ông B đã thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi đến ngày 01 tháng 4 năm 2021 rồi ngưng đến nay không thanh toán. Như vậy ông B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký nên Ngân hàng đã chuyển dư nợ còn lại sang nợ quá hạn từ ngày 02 tháng 4 năm 2021 và khởi kiện yêu cầu ông B phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 06/6/2022 gồm: Nợ gốc là 43.310.811 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.389.189 đồng, nợ lãi quá hạn: 5.666.389 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông B phải thanh toán số tiền nợ gốc 43.310.811 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.389.189 đồng, nợ lãi quá hạn: 5.734.967 đồng. Tổng cộng là: 52.434.967 đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 06/6/2022).

Kể từ ngày 07/6/2022 ông B còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí trên phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 52.434.967 đồng. Do đó, ông Phạm Văn B phải chịu án phí là 2.621.748 đồng.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng TMCP Đ là 1.250.690đ đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn sáu trăm chín mươi đồng) theo biên lai thu số 0047724 ngày 23/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 97 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Phạm Văn B phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 06/06/2022 là 52.434.967đ (Năm mươi hai triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó nợ gốc là 43.310.811đ (Bốn mươi ba triệu ba trăm mười nghìn tám trăm mười một đồng), nợ lãi trong hạn: 3.389.189đ (Ba triệu ba trăm tám mươi chín nghìn một trăm tám mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn: 5.734.967đ (Năm triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng). Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 07/6/2022 ông B còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi

suất mà ông B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Các đương sự Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

## 2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.621.748đ (Hai triệu sáu trăm hai mươi một nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng).

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng TMCP Đ là 1.250.690đ đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn sáu trăm chín mươi đồng) theo biên lai thu số 0047724 ngày 23/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Ngân hàng TMCP Đ, ông Phạm Văn B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Huệ**